

**DANH MỤC YÊU CẦU BÁO GIÁ
(MÃ HỒ SƠ: YCBG2301)**

(Kèm theo Công văn số /BVBR-TTB ngày tháng năm 2023 của Bệnh viện Bà Rịa)

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	BAN001	Băng keo có gạc vô trùng 15cm x 10cm	Băng keo có gạc vô trùng 15cm x 10cm. Băng gạc tiết trùng nền bằng vải không đan dệt, co giãn, không chứa latex, tiết trùng bằng Ethylene oxide. Diện tích gạc 15cm x 10cm, diện tích nền băng 5cm x 10cm. Chứng nhận ISO, CE	Miếng	520
2	BAN002	Băng keo có gạc vô trùng 25cm x 10cm	Băng keo có gạc vô trùng 25cm x 10cm. Băng gạc tiết trùng nền bằng vải không đan dệt, co giãn, không chứa latex, tiết trùng bằng Ethylene oxide. Diện tích gạc 25cm x 10cm, diện tích nền băng 5cm x 20cm. Chứng nhận ISO, CE	Miếng	970
3	BAN003	Băng keo lụa cuộn 5cm x 5m	Băng keo lụa cuộn 5cm x 5m. Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phù đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m ² , lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh. . Chứng nhận ISO, CE	Cuộn	31.050
4	BAN004	Băng keo thun co giãn 8cm x 4.5m	Băng keo thun co giãn 8cm x 4.5m. Băng thun màu trắng, cotton 100%, trọng lượng 140+/-7g/m ² , co giãn ≥ 90%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, trọng lượng khối phủ 100-130g/m ² , lực dính 2-9 N/cm, có kiểm tra vi sinh. . Chứng nhận ISO	Cuộn	490
5	BAN005	Băng keo vải cá nhân 20mm x 60mm	Băng keo vải cá nhân 20mm x 60mm. Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene, thấm hút ≥ 500 % , lực dính 2,2-9,4 N/cm, có kiểm tra vi sinh. . Chứng nhận ISO, CE	Miếng	335.660
6	BAN006	Băng thun 10cm x 4.5m	Băng thun 10cm x 4.5m. Băng thun màu trắng, sợi polyester, spandex và sợi bông, trọng lượng 90 g/m ² , co giãn ≥ 200%, có kiểm tra vi sinh. Chứng nhận ISO	Cuộn	21.420
7	BAN007	Gạc lưới lipido-colloid 10cm x 10cm	Gạc lưới lipido-colloid 10cm x 10cm. Lưới Polyester, Hydrocolloid và dầu Parefin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất Polymer, chuyên thay băng không đau 10x10cm. Chứng nhận ISO, CE	Miếng	300
8	BAN008	Gạc lưới lipido-colloid 15cm x 20cm	Gạc lưới lipido-colloid 15cm x 20cm, lưới Polyester, Hydrocolloid và dầu Parefin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất Polymer, chuyên thay băng không đau 15x20cm. Chứng nhận ISO, CE	Miếng	80
9	BAN009	Gạc lưới Lipido - Colloid có ion bạc 10cm x 12cm	Gạc lưới Lipido - Colloid có ion bạc 10cm x 12cm, lưới Polyester, Hydrocolloid , Có ion bạc , hàm lượng bạc sulfat: 0.50 +/- 0.12 mg/cm ² (0.38 - 0.62 mg/cm ²) có dẫn tốt, thay băng không đau. Chứng nhận ISO, CE	Miếng	80
10	BOM001	Bơm tiêm cho ăn 50ml	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to và có nắp đậy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	7.280
11	BOM002	Bơm kim tiêm 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml. Đóng gói trong túi nylon 2 mặt, có rãnh xé. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	135.330
12	BOM003	Bơm kim tiêm 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đóng gói trong túi nylon 2 mặt, có rãnh xé. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	664.690
13	BOM004	Bơm kim tiêm 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng. Đóng gói trong túi nylon 2 mặt, có rãnh xé. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	125.320
14	BOM005	Bơm kim tiêm 50ml	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	5.980
15	BOM006	Bơm kim tiêm 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đóng gói trong túi nylon 2 mặt, có rãnh xé. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	864.890
16	BOM007	Bơm tiêm 50ml sử dụng cho bơm tiêm điện	Bơm tiêm nhựa đầu xoắn (luer lock) làm từ polypropylene trong suốt, được phủ silicone. Đầu pít-tông làm bằng nhựa đàn hồi tổng hợp giúp chuyển động mượt mà. Vạch chia đậm rõ, dễ đọc được làm từ mực black pigment. Thể tích tồn lưu không quá 0,2 ml. Tiết trùng bằng tia tử ngoại. Không DEHP, Không độc chất, không latex, không Pyrogen. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Cái	15.600
17	BOM008	Kim lấy thuốc các cỡ	Kim các số, Vi dụng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485	Cái	531.570
18	BOM009	Kim tiêm các cỡ	1. Kim làm bằng thép không gỉ SUS 304, đầu kim 3 mặt vát, bén, phủ silicone để thấm nhập. 2. Đường kính ngoài x bề dày kim, lực xuyên da 18G: 1.25mm x 0.14 mm, 75gf 23G: 0.64mm x 0.12 mm, 54gf 25G: 0.51mm x 0.10 mm, 44gf 26G: 0.46mm x 0.10 mm, 44gf 27G: 0.41mm x 0.10 mm, 41gf 3. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE 4. Tiết trùng ETO	Cái	354.380
19	BOM010	Đầu kim 6mm 31G	Kích thước: 31Gx6mm. Không độc hại, không gây sốt. Tương thích với hầu hết các mẫu bút insulin. Khử trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, GMP.	Cái	182.460

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
20	BOM011	Khóa 3 ngã không dây	Khóa 3 ngã không dây. Chịu được áp lực đến 1.23MPa (12.3bar, 178psi) tương thích với các loại dịch truyền. Thân làm bằng Polycarbonate. Khóa làm bằng polyethylene. Nút đẩy làm bằng Polypropylene. Không Pyrogenic, non Toxic. 1 đầu kết nối dương, 2 đầu kết nối âm, khóa xoay 360 độ. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn ISO	Cái	6.110
21	BOM013	Khóa 3 ngã có dây dài 25cm	Chống nút gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc. Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch. Chịu áp lực dưới 2 bar. Dây nối dài 25 cm. Thể tích mỗi 2ml. Vật liệu Polyamide.	Cái	18.330
22	BOM014	Dây nối máy bơm tiêm điện đường kính 1mm dài 150cm	Dây làm bằng PVC y tế, dài 1500mm, đường kính trong 1mm, đường kính ngoài 2.1mm. Đầu nối vận xoắn chống rò rỉ, thuận tiện kết nối 1 tay, chống xoắn dây, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu, có màu đỏ phân biệt đầu ra đầu vào. Thể tích mỗi 1ml, chịu được áp lực nén 1.3kgf/cm ² (18.5psi), áp lực hút 450mmHg (8.7psi). Hệ số dẫn truyền ánh sáng: trên 93%. Non-Toxic, Non-Pyrogenic. Tiệt trùng ETO. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	25.480
23	BOM012	Dây nối dài dùng trong truyền dịch, bơm thuốc dài 25 - 30cm	Dây nối dài dùng trong truyền dịch, bơm thuốc dài 25 - 30cm. Đạt tiêu chuẩn ISO		6.110
24	DAY001	Dây truyền dịch 20 giọt có kim	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. Công chữ Y tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gấp khi bảo quản và sử dụng. Độ dài dây dẫn ≥ 1800mm. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có kim 25G/23G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	158.730
25	DAY002	Dây truyền dịch 20 giọt không kim	Dây dài 180cm làm bằng chất liệu PVC y tế, có vent lọc khí. Có màng lọc 48 microns được đặt ở cuối đường dây. Đầu nối vận xoắn Spin lock xoay 360 độ chống vận xoắn dây. Chịu được áp lực 200Kpa không rò rỉ. Đường kính trong 3mm, đường kính ngoài 4mm. Non Latex, non-Pyrogenic, Non DEHP. Có công tiêm chữ Y. Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA	Cái	119.080
26	DAY003	Dây truyền dịch 20 giọt có bầu đếm giọt 2 ngăn	- Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4.1 mm - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Chịu được áp lực đến 2 bar - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Màng lọc dịch 15 μm - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Bao bì thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn 94/62/EC - Chứng nhận EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC	Cái	119.080
27	DAY005	Dây truyền máu	Dây truyền máu 20 giọt/ml, dài 150cm, chất liệu PVC, Non-Pyrogen, trong suốt. Màng lọc kích thước lỗ lọc 200um, van thoát khí an toàn. Đường kính dây 3mm. Bộ dây chịu được áp lực 50Kpa, không rò rỉ khí. Bộ chỉnh giọt trơn, mượt, có móc để treo dây. Đầu nối Luer lock. Tiệt trùng ETO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE.	Cái	7.840
28	DAY004	Dây truyền dịch 60 giọt	Dây truyền dịch 60 giọt/ ml. Chiều dài dây 151cm làm bằng chất liệu PVC y tế, có vent lọc khí. Có màng lọc được đặt ở cuối đường dây lọc sạch cặn hạt, an toàn cho bệnh nhi. Đầu nối trơn thẳng Luer Slip. Non DEHP. Có công tiêm chữ Y. Tiệt trùng bằng ETO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.	Cái	320
29	KL0001	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	Chất liệu: Thép không gỉ, polycarbonat, polypropylen và chất dính UV. Có các cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài sắc bén Chuôi kim trong suốt, có lăng kính phân quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	3.250
30	KL0002	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	Kim kiểu Quinke 3 mặt vát sắc bén. * Cannula (ống thông), Stylet vật liệu thép không gỉ SUS304 * Hub cannula trong suốt, stylet hub mã hóa màu theo size, nắp, cánh cầm vật liệu Polypropylen * Đường kính kim: 18G (1.20mm), 20G (0.9mm), 22G (0.7mm), 25G (0.5mm), 27G (0.4mm). Chiều dài 90mm (3 1/2"). Góc vát chính 15~17 độ * Tiệt trùng EO, không độc hại, không gây sốt. * Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	3.250
31	KL0003	Kim luồn có cánh, có công, chất liệu PUR các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên, có cánh, có cửa, có nút chặn, tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Đầu kim sắt thiết kế 3 mặt vát. Kim luồn chất liệu: Polyurethane. Có 4 đường cân quang nằm trên thân kim luồn. Có các size: 16G, 18G, 22G, 24G. Ø x L/ Lưu lượng dòng chảy qua ống thông: - Size 16G: 1.6 x 42 mm/ 170 ml/phút - Size 18G: 1.2 x 40 mm/ 100 ml/ phút - Size 22G: 0.8 x 25 mm/ 30 ml/ phút - Size 24G: 0.7 x 19 mm/ 18 ml/phút Có màng lọc vi khuẩn HEPA 0,2 micron ở đuôi kim luồn Tiêu chuẩn: ISO 9001: 2015, ISO 13485: 2016, GMP FDA, CE	Cái	98.540

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
32	KL0004	Kim luân có cánh, có công, chất liệu PTFE các cỡ	Kim luân tĩnh mạch có cánh, có công - Catheter chất liệu PTFE. - Có rãnh bảo máu sớm (vết cắt trên nòng kim) - Công tiêm, đốc kim, buồng bảo máu làm bằng chất liệu Polypropylene - Nòng kim làm bằng thép không rỉ - Van làm bằng Methyl vinyl polysiloxane. - Phương pháp tiệt khuẩn: Etylen oxide. - Có nút chặn Thông số kỹ thuật: - Cỡ 22G: chiều dài 25mm, đường kính ngoài: 0.87mm, đường kính trong: 0.61mm, tốc độ dòng chảy: 31 ml/phút; áp lực tiêm truyền: 325PSI - Cỡ 20G: chiều dài 32mm, đường kính ngoài: 1.07mm, đường kính trong: 0.79mm, tốc độ dòng chảy: 54ml/phút; áp lực tiêm truyền: 325PSI - Cỡ 18G: chiều dài 45mm, đường kính ngoài: 1.27mm, đường kính trong: 0.95mm, tốc độ dòng chảy: 80ml/phút; áp lực tiêm truyền: 325PSI - Cỡ 16G: chiều dài 45mm, đường kính ngoài: 1.70mm, đường kính trong: 1.35mm, tốc độ dòng chảy: 180ml/nhút	Cái	59.150
33	KL0005	Kim luân an toàn có cánh, có công, chất liệu PTFE các cỡ	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỵ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luân có cánh, có cửa, Độ dài Trim Length < 1mm - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC - ISO 10555-5	Cái	78.910
34	KL0006	Kim luân an toàn có cánh, không công, chất liệu PTFE cỡ 24G	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỵ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luân có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 - Chứng nhận EC - ISO 10555-5 - Chứng nhận 510k của FDA	Cái	48.360
35	KL0007	Nút chặn kim luân	Nút chặn kim luân có công tiêm. Không gây kích ứng. Không chứa Latex. Khóa "male luer" 6%. Tiệt trùng: EtO.	Cái	24.180
36	GANG01	Găng khám kiểm tra các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, bền, không rách, có phủ bột chống dính, chưa tiệt trùng, dùng cho cả tay trái và tay phải, sử dụng 1 lần. - Cỡ găng: XS, S, M, L - Chiều dài 240mm±10mm - Chiều rộng tương ứng: + Size SX: 70mm± 10mm + Size S: 80mm±10mm + Size M: 95mm±10mm + Size L: 110mm±10mm - Độ dày mỗi lớp: ngón tay: 0.5mm, lòng bàn tay: 0.5 mm Cường lực kéo đứt tối thiểu + Trước lão hóa 7N + Sau lão hóa 6N Khả năng dẫn tối thiểu khi đứt + Trước lão hóa 650% + Sau lão hóa 500% Sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 ISO 13485:2016	Đôi	2.251.710
37	GANG02	Găng khám kiểm tra không bột các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, bền, không rách, không bột, chưa tiệt trùng, dùng cho cả tay trái và tay phải, sử dụng 1 lần. - Cỡ găng: XS, S, M, L, XL. - Chiều dài 240mm±10mm - Chiều rộng tương ứng: + Size SX: 70mm± 10mm + Size S: 80mm±10mm + Size M: 95mm±10mm + Size L: 110mm±10mm - Độ dày mỗi lớp: ngón tay: 0.5mm, lòng bàn tay: 0.5 mm Cường lực kéo đứt tối thiểu + Trước lão hóa 7N + Sau lão hóa 6N Khả năng dẫn tối thiểu khi đứt + Trước lão hóa 650% + Sau lão hóa 500% Sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 ISO 13485:2016	Đôi	965.020

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
38	GANG03	Găng phẫu thuật chưa tiệt trùng các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, chưa tiệt trùng, sử dụng 1 lần, không gây kích ứng da. Chiều dài tương ứng: chiều dài: 275mm±5mm (cỡ 6, 6.5), 282mm±7mm (cỡ 7, 7.5, 8), chiều rộng tương ứng: 83mm±5mm (cỡ 6, 6.5), 89mm±5mm (cỡ 7), 95mm±5mm (cỡ 7.5) Độ dày mỗi lớp: 0.15mm-0.21mm. Cường lực kéo đứt tối thiểu : + Trước lão hóa 14N + Sau lão hóa 11N Khả năng giãn kéo dài tối thiểu khi đứt + Trước lão hóa 750% + Sau lão hóa 600% <u>Sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015. ISO 13485:2016</u>	Đôi	91.650
39	GANG04	Găng phẫu thuật tiệt trùng các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, đã tiệt trùng bằng khí EO, sử dụng 1 lần, không gây kích ứng da. - Chiều dài Số 6 1/2, 7, 7 1/2, 8: 280 mm +/- 5mm. Độ dày ngón tay 0,16mm. - Trọng lượng và chiều rộng tương ứng: + Số 6 1/2 trong khoảng 8.0-8.3gr/đôi); 83±5 mm; + Số 7.0 trong khoảng 9.0-9.3gr/đôi); 89±5 mm; + Số 7 1/2 trong khoảng 10.0-10.3gr/đôi); 95±5 mm; - Khả năng chịu lực: + Lực kéo đứt nhỏ nhất trước già hóa: 24 MPa + Khả năng giãn dài nhỏ nhất cần đạt được trước già hóa: 750% + Cường lực định giãn tối đa cho phép tại độ giãn dài 300% trước già hóa: 2 N + Cường lực định giãn tối đa cho phép tại độ giãn dài 500% trước già hóa: 5.5 MPa + Lực kéo đứt nhỏ nhất sau già hóa: 18 MPa + Khả năng giãn dài nhỏ nhất cần đạt được sau già hóa: 600% - Lỗ thủng AQL: 1.5 - Yêu cầu về bột: + Không bột (Powder free): ≤2mg + Có bột: ≤15mg/dm ² hoặc 80mg ± 20mg + Tiêu chuẩn ASTM D6124 - Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016 & EN ISO 13485:2016 ISO 9001:2015 ISO 22000:2005 SA 8000:2014	Đôi	294.970
40	GANG05	Găng tay phẫu thuật không bột tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không bột, đã tiệt trùng bằng khí EO, sử dụng 1 lần, không gây kích ứng da. - Chiều dài Số 6 1/2, 7, 7 1/2, 8: 280 mm +/- 5mm. Độ dày ngón tay 0,16mm. - Trọng lượng và chiều rộng tương ứng: + Số 6 1/2 trong khoảng 8.0-8.3gr/đôi); 83±5 mm; + Số 7.0 trong khoảng 9.0-9.3gr/đôi); 89±5 mm; + Số 7 1/2 trong khoảng 10.0-10.3gr/đôi); 95±5 mm; + Số 8 trong khoảng 11.0-11.3gr/đôi); 102±5 mm. - Khả năng chịu lực: + Lực kéo đứt nhỏ nhất trước già hóa: 24 MPa + Khả năng giãn dài nhỏ nhất cần đạt được trước già hóa: 750% + Cường lực định giãn tối đa cho phép tại độ giãn dài 300% trước già hóa: 2 N + Cường lực định giãn tối đa cho phép tại độ giãn dài 500% trước già hóa: 5.5 MPa + Lực kéo đứt nhỏ nhất sau già hóa: 18 MPa + Khả năng giãn dài nhỏ nhất cần đạt được sau già hóa: 600% - Lỗ thủng AQL: 1.5 - Yêu cầu về bột: + Không bột (Powder free): ≤2mg + Có bột: ≤15mg/dm ² hoặc 80mg ± 20mg + Tiêu chuẩn ASTM D6124 - Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016 & EN ISO 13485:2016 ISO 9001:2015 ISO 22000:2005 SA 8000:2014	Đôi	19.500
41	GANG06	Găng tầm soát tử cung tiệt trùng (450mm)	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, đã tiệt trùng, sử dụng 1 lần, không gây kích ứng da. Chiều dài tương ứng: chiều dài: 450mm±10mm (cỡ 7, 7.5), chiều rộng tương ứng: 89mm±5mm (cỡ 7), 95mm±5mm (cỡ 7.5) Độ dày mỗi lớp: 0.15mm-0.21mm. Cường lực kéo đứt tối thiểu (N): + Trước lão hóa 14N + Sau lão hóa 11N Khả năng giãn dài tối thiểu khi đứt + Trước lão hóa 750% + Sau lão hóa 600% <u>Sản xuất tại nhà máy đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015. ISO 13485:2016</u>	Đôi	160
42	CHI001	Chi phẫu thuật tự tiêu tự nhiên tan chậm 1/0 kim tròn	Chi tiêu thiên nhiên tan chậm Collagen tinh khiết, đơn sợi, 1/0 kim tròn 1/2 chiều dài chi 75cm, chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	80

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
43	CHI002	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tan chậm 2/0 kim tròn	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm Collagen tinh khiết, đơn sợi, 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	3.940
44	CHI003	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tự nhiên tan chậm 4/0 không kim	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm Collagen tinh khiết, đơn sợi, 4/0 không kim chiều dài chỉ 150cm. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	460
45	CHI004	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tự nhiên tan chậm 3/0 kim tròn	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm Collagen tinh khiết, đơn sợi, 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	460
46	CHI005	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tự nhiên tan chậm 4/0 kim tròn	Chỉ tiêu thiên nhiên tan chậm Collagen tinh khiết, đơn sợi, 4/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 14-21 ngày. Tan hoàn toàn sau 90 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	850
47	CHI006	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi 2/0 kim tam giác 26mm	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) màu xanh dương 2/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	2.600
48	CHI007	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi 2/0 kim tam giác 26mm	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6.6. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	3.900
49	CHI008	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi 3/0 kim tam giác 26mm	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) màu xanh dương 3/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	6.780
50	CHI009	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi 3/0 kim tam giác 19-21mm	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6.6. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19-21mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	10.160
51	CHI010	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi 4/0 kim tam giác 18-20mm	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) màu xanh dương 4/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 18-20mm, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	2.380
52	CHI011	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi 4/0 kim tam giác 18-20mm	Chỉ không tan đơn sợi polyamide 6.6. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18-20mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	3.580
53	CHI012	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi 5/0 kim tam giác 15-17mm	Chỉ không tiêu đơn sợi Nylon màu xanh dương 5/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 15-17mm, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	1.800
54	CHI013	Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp đơn sợi 6/0 kim tam giác 12-14mm	Chỉ không tiêu đơn sợi polyamide 6 - 6.6 (Nylon) màu đen, 6/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm , chiều dài kim 12-14mm, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	770
55	CHI014	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tự nhiên tan nhanh số 3, kim tròn 1/2c - 26mm, chỉ dài 75cm	Chỉ tiêu thiên nhiên tan nhanh từ Collagen tinh khiết, đơn sợi, 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm chiều dài kim 26, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Giữ vết khâu tốt trong 7-14 ngày. Tan hoàn toàn sau 70 ngày. Đóng gói PVC - AL (có chứa chất khử trùng), bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	5.740
56	CHI015	Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 1/0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 1, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn HR 40mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 66.30N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	5.460
57	CHI016	Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 1/0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 1/0, độ dài chỉ \geq 90cm, kim tròn 1/2c - 40mm, kim bằng thép không gỉ Austenitic 321. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	5.700
58	CHI017	Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 1/0 kim tròn	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone, số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C. Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series phủ silicon. Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày. Tiêu chuẩn CE và FDA	Tép	4.160
59	CHI019	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự tiêu tổng hợp 2/0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 38.84N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	1.680
60	CHI020	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự tiêu tổng hợp 2/0 kim tròn	Chất liệu 90% glycoline và 10% L-lactide. Cấu trúc đa sợi bện. Lớp bao phủ Poly, glacomer 370, Calcium stearate. Độ tan từ 56 đến 70 ngày, sợi chỉ màu tím, kim tròn 1/2c-26mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, cỡ chỉ 2/0 USP, độ dài chỉ \geq 75cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	2.240

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
61	CHI021	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự tiêu tổng hợp 2/0 kim tròn	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 phủ poly(glycolide-co-lactide) (30/70) và calcium stearate. Giữ vết mổ đến 28 ngày, tan hoàn toàn trong 60-75 ngày. Sức căng còn lại đạt 75% vào ngày thứ 14; 45% vào ngày thứ 21. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	1.680
62	CHI022	Chỉ phẫu thuật tan nhanh tổng hợp đa sợi 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C 37mm	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 2/0, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn HR 37mm, đầu cắt. làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 24.59N. Sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau 42 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	2.190
63	CHI023	Chỉ phẫu thuật tan nhanh tổng hợp đa sợi 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C 36mm	Chỉ tan nhanh đa sợi polyglycolic acid phủ polycaprolactone và calcium stearate. Sức căng còn lại đạt 45% sau 6 ngày; 10% sau 10 ngày. Tan hoàn toàn trong 40-45 ngày. Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C 36mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	10.920
64	CHI024	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự tiêu tổng hợp 3/0 kim tròn	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 3/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 22.04N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	780
65	CHI025	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự tiêu tổng hợp 3/0 kim tròn	Chỉ tan đa sợi polyglactin 910 phủ poly(glycolide-co-lactide) (30/70) và calcium stearate. Giữ vết mổ đến 28 ngày, tan hoàn toàn trong 60-75 ngày. Sức căng còn lại đạt 75% vào ngày thứ 14; 45% vào ngày thứ 21. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	780
66	CHI026	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự tiêu tổng hợp 3/0 kim tròn	Chất liệu 90% glycoline và 10% L-lactide. Cấu trúc đa sợi bện. Lớp bao phủ Poly, glacomer 370, Calcium stearate. Độ tan từ 56 đến 70 ngày, sợi chỉ màu tím, kim tròn 1/2c-26mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, cỡ chỉ 3/0 USP, độ dài chỉ ≥ 75cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	1.040
67	CHI027	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự tiêu tổng hợp 4/0 kim tròn	Chất liệu 90% glycoline và 10% L-lactide. Cấu trúc đa sợi bện. Lớp bao phủ Poly, glacomer 370, Calcium stearate. Độ tan từ 56 đến 70 ngày, sợi chỉ màu tím, kim tròn 1/2c-22mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, cỡ chỉ 4/0 USP, độ dài chỉ ≥ 75cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	510
68	CHI028	Chỉ phẫu thuật đa sợi tan nhanh tổng hợp 4/0 kim tròn 19mm	Chất liệu 90% glycolide và 10% L-lactide. Cấu trúc đa sợi bện. Lớp bao phủ poly, glacomer 370 và calcium stearate, kim tam giác Austenitic 321, 3/8c-19mm, cỡ chỉ 4/0 USP, độ dài chỉ ≥ 75cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	110
69	CHI029	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 30mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 36.30N, Đóng gói có bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	70
70	CHI030	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 0	Chất liệu Polypropylene, cấu trúc đơn sợi, sợi chỉ màu xanh, giữ vết khâu vĩnh viễn, cỡ chỉ 0 USP, kim tròn 1/2c-30mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, độ dài chỉ ≥ 75cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	70
71	CHI031	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 2	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 2/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 29.14N, Đóng gói có bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	240
72	CHI032	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 2	Chất liệu Polypropylene, cấu trúc đơn sợi, sợi chỉ màu xanh, giữ vết khâu vĩnh viễn, cỡ chỉ 2/0 USP, 2 kim tròn đầu cắt 1/2c-25mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, độ dài chỉ ≥ 90cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	240
73	CHI033	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 3	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 3/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 26mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 17.66N, Đóng gói có bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	250
74	CHI034	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 3	Chất liệu Polypropylene, cấu trúc đơn sợi, sợi chỉ màu xanh, giữ vết khâu vĩnh viễn, cỡ chỉ 3/0 USP, 2 kim tròn 1/2c-25mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, độ dài chỉ ≥ 90cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	250
75	CHI035	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 4 kim tròn	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 22mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 11.58N, Đóng gói có bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	290
76	CHI036	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 4 kim tròn	Chất liệu Polypropylene, cấu trúc đơn sợi, sợi chỉ màu xanh, giữ vết khâu vĩnh viễn, cỡ chỉ 4/0 USP, 2 kim tròn 1/2c-20mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, độ dài chỉ ≥ 90cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	290
77	CHI037	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 5	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 13mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 7.16N, Đóng gói có bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	160
78	CHI038	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 5	Chất liệu Polypropylene, cấu trúc đơn sợi, sợi chỉ màu xanh, giữ vết khâu vĩnh viễn, cỡ chỉ 5/0 USP, 2 kim tròn 1/2c-13mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, độ dài chỉ ≥ 75cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	160

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
79	CHI039	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 6	Chất liệu Polypropylene, cấu trúc đơn sợi, sợi chỉ màu xanh, giữ vết khâu vĩnh viễn, cỡ chỉ 6/0 USP, 2 kim tròn 1/2c-13mm, kim phủ silicon, độ dài chỉ ≥ 60 cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	380
80	CHI040	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 7	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 7/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 10mm, công nghệ kim CV Pass, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 1.86N, Đóng gói có bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	200
81	CHI041	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 7	Chất liệu Polypropylene, cấu trúc đơn sợi, sợi chỉ màu xanh, giữ vết khâu vĩnh viễn, cỡ chỉ 7/0 USP, 2 kim tròn 1/2c-10mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, độ dài chỉ ≥ 60 cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	200
82	CHI042	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 8	Chất liệu Polypropylene, cấu trúc đơn sợi, sợi chỉ màu xanh, giữ vết khâu vĩnh viễn, cỡ chỉ 8/0 USP, 2 kim tròn 1/2c-10mm, độ dài chỉ ≥ 60 cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	240
83	CHI043	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 1/0 kim tam giác 1/2c-36mm	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, số 1 kim tam giác 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 36, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	930
84	CHI044	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 1/0, kim tròn 1/2c-26mm	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, số 1 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	930
85	CHI045	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi không kim 2/0	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 2/0 không kim chiều dài chỉ 150cm, chỉ phủ sáp. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	190
86	CHI046	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 2/0 kim tam giác 3/8c-26mm	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 2/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	510
87	CHI047	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 2/0 kim tròn 1/2c-26mm	Chỉ silk không tan đa sợi được phủ ngoài bằng silicone Nusil Med 2174. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	550
88	CHI048	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 2/0 kim tròn 1/2c-26mm	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi 2/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	820
89	CHI049	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi không kim 3/0	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 3/0 không kim chiều dài chỉ 150cm, chỉ phủ sáp. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	120
90	CHI050	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 3/0 kim tam giác 3/8c-18mm	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 3/0 kim tam giác 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	2.880
91	CHI051	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 3/0 kim tròn 1/2c-26mm	Chỉ silk không tan đa sợi được phủ ngoài bằng silicone Nusil Med 2174. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CE	Tép	780
92	CHI052	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 3/0 kim tròn 1/2c-26mm	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 3/0 kim tròn 1/2 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 26, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	1.170
93	CHI053	Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên đa sợi 4/0 kim tam giác 3/8-18mm	Chỉ không tiêu thiên nhiên đa sợi từ các sợi kén của sâu tơ tằm họ Bombyx mori, 4/0 kim tam giác 3/8 chiều dài chỉ 75cm, chiều dài kim 18, chỉ phủ sáp, kim làm từ thép không gỉ, kim phủ silicon. Đóng gói PVC - giấy trắng PE, bên ngoài có bao Polyeste - giấy hàn kín. Tiệt trùng EO/CO2 tỉ lệ 20:80.	Tép	670
94	CHI054	Chỉ thép các cỡ	Chỉ thép có các cỡ 5, 6, 7, kim tròn đầu cắt 1/2C 48mm, làm bằng thép không gỉ Austenitic 321, chỉ dài ≥ 45 cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	260
95	CHI055	Lưỡi dao mổ các cỡ	Chất liệu thép carbon thành phần (%) C: 1.09 – 1.26; Si: 0.09 – 0.31; Mn: 0.09 – 0.41; P \leq 0.03; S \leq 0.03. Lực xuyên da \leq 0.79N; Độ cứng \geq 840HV10. Độ tiệt trùng (SAL) 10 ⁻⁶ . Kích cỡ đáp ứng yêu cầu được điển USP, EP. Tiêu chuẩn chất lượng CE. Có các cỡ 11, 12, 25, 20.	Cái	18.400
96	PHIM01	Phim khô laser kích thước 20 cm x 25 cm	Công nghệ in: Khô, laser. Kích thước phim: 20cm x 25cm. Tương thích với máy in phim khô model: DryPix6000	Tấm	20.930
97	PHIM02	Phim khô laser kích thước 8x10 inch	Công nghệ in: Khô, laser. Kích thước phim: 20cm x 25cm. Tương thích với máy in phim khô model: Drypro	Tấm	20.930
98	PHIM03	Phim khô laser kích thước 26 cm x 36 cm	Công nghệ in: Khô, laser. Kích thước phim: 26cm x 36cm. Tương thích với máy in phim khô model: DryPix6000	Tấm	50.250
99	PHIM04	Phim khô laser kích thước 11 x 14 inch	Công nghệ in: Khô, laser. Kích thước phim: 26cm x 36cm. Tương thích với máy in phim khô model: Drypro	Tấm	52.650
100	PHIM05	Phim khô laser kích thước 35 cm x 43 cm	Công nghệ in: Khô, laser. Kích thước phim: 35cm x 43cm. Tương thích với máy in phim khô model: DryPix6000	Tấm	46.540
101	PHIM06	Phim khô laser kích thước 14x17 inch	Công nghệ in: Khô, laser. Kích thước phim: 35cm x 43cm. Tương thích với máy in phim khô model: Drypro	Tấm	46.540
102	PHIM07	Phim khô laser kích thước 35 cm x 43 cm	Công nghệ in: Khô, laser. Kích thước phim: 35cm x 43cm. Tương thích với máy in phim khô model: Trimax	Tấm	18.620

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
103	KK0001	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ 2 enzyme	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ chứa hai enzym protease mang lại khả năng làm sạch rộng nhất trên nhiều vết bẩn protein - Có các chất hoạt động bề mặt cung cấp thêm khả năng làm sạch đối với vết bẩn cacbohydrat, lipid và protein. - Công thức ít tạo bọt lý tưởng để sử dụng trong các máy tự động - Sản phẩm không có mùi - Thời gian ngâm thủ công tối thiểu 01 phút. Ngâm lâu hơn nếu vết bẩn đã khô cho đến khi sạch. - Sử dụng cho rửa thủ công và trên máy tự động, thiết bị siêu âm, hệ thống làm sạch dụng cụ nha khoa - Thành phần: Propylene glycol: 10- 35%, Trisodium Citrate Dihydrate: 5-10%, Proteinase subtilisin: 0.1-1% Nước và các thành phần khác:50-60% Độ pH: 7.5-8.5 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Có chứng nhận FDA của Mỹ - Có bảng tương thích vật liệu đi kèm	Lít	550
104	KK0003	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao pha sẵn	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2); Vi khuẩn : EN 14561; Nấm, mốc : EN 14562; Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563	Lít	380
105	KK0004	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ nội soi	Là dung dịch ortho-phthalaldehyde ≤ 0,60% có thể được sử dụng để tái xử lý các thiết bị y tế bán thiết yếu nhạy cảm với nhiệt Có thể tái sử dụng trong khoảng thời gian lên đến 30 ngày khi tái xử lý thủ công hoặc 14 ngày trong thiết bị tái xử lý dụng cụ nội soi tự động - Có thể khử khuẩn mức độ cao đối với các dụng cụ có thấu kính, thiết bị gây mê, thiết bị trị liệu hô hấp, vật dụng bằng cao su, vật dụng bằng nhựa, dụng cụ sắc nhọn, nhiệt kế và dụng cụ nội soi sợi dẻo (nội soi ống mềm) - Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày sau khi mở nắp. - Tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Polysulfone và các chất keo dính) - Có chứng nhận tương thích của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, Fujifilm, Karl Storz) - Công thức không chứa chất hoạt động bề mặt – sẽ không làm mờ thấu kính của ống soi - Tiêu diệt vi khuẩn, nấm và vi khuẩn lao trong vòng 05 phút ở 25oC Thành phần: Nồng độ Ortho-Phthalaldehyde: 0,60% và các phụ gia - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Có chứng nhận FDA của Mỹ - Có bảng tương thích vật liệu đi kèm	Lít	400
106	KK0005	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ pha sẵn orthophalaldehyde 0,55%	Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không cần hoạt hóa). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 17111 và EN 14563. Tái sử dụng trong 14 ngày (kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp đến 3 năm. Tương thích với ống nội soi hãng Olympus, Pentax	Lít	380
107	KK0006	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ 6.5% Didecylmethyl ammonium chloride	Thành phần: 6.5% Didecylmethyl ammonium chloride, 0.074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. Làm sạch và khử khuẩn dụng cụ y tế. Nồng độ sử dụng 0,5%, pH = 6.6 - 7.6 Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 17111. Đạt tiêu chuẩn ISO 15883, EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17111	Lít	240
108	KK0007	Dung dịch rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme (không cần pha loãng)	- Là sản phẩm có hoạt tính enzyme kép, dạng xịt bọt, không cần phải pha loãng, sẵn sàng để sử dụng tại nơi dụng cụ làm sạch không có sẵn ngay lập tức như phòng tiêu phẫu, phòng mổ, phòng xử lý vô trùng... - Dùng để làm sạch trước bằng cách phá vỡ máu, mô, chất nhầy và dịch cơ thể khác giàu protein từ các dụng cụ pH trung tính bảo vệ chống ăn mòn tiên tiến và an toàn cho cao su, nhựa, thép không gỉ, thép carbon và kim loại mềm. - Thành phần: Polyethylene glycol mono(nonyl phenyl) ether: 1- 5%, Nước và các thành phần khác: 85-95% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Có chứng nhận FDA của Mỹ	ml	331.820
109	KK0008	Dung dịch tẩy rửa sinh học 5 enzyme	Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxyolate 8% w/w, C9-11 Ethoxyolate. Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine.	Lít	340

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
110	KK0009	Dung dịch tẩy rửa sinh học đa enzyme	Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, có thể sử dụng cho máy rửa khử khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO 11930. Hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5 Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) pH = 6.8-7.3 Thời gian: từ 5 phút Phù hợp với mọi chất lượng nước khác nhau	Lít	340
111	KK0010	Hóa chất Hydrogen Peroxide 15 chu kỳ	Hóa chất Hydrogen Peroxide (H ₂ O ₂) 15 chu kỳ dùng để hấp diệt trùng các dụng cụ không chịu được nhiệt độ cao và áp suất cao. Là loại hóa chất dùng trong máy hấp nhiệt độ thấp Steris	Cốc	70
112	KK0011	Dung dịch phun sương khử khuẩn bề mặt qua đường không khí		Lít	240
113	KYT001	Cồn 70 độ	Không màu, có mùi, nồng độ cồn 70 độ. Dùng trong y tế.	Lít	8.190
114	KYT002	Cồn 90 độ	Không màu, có mùi, nồng độ cồn 90 độ. Dùng trong y tế.	Lít	100
115	KYT003	Cồn 96 độ	Không màu, có mùi, nồng độ cồn 95 độ. Dùng trong y tế.	Lít	100
116	KYT004	Cồn tuyệt đối	Không màu, có mùi, nồng độ cồn 99,7 độ. Dùng trong y tế.	Lít	100
117	KYT005	Dung dịch rửa tay nhanh dạng gel nồng độ cồn >70%	Hoạt chất: Ethanol 50 % (w/w), Isopropanol 28 % (w/w), Ortho-Phenylphenol 0,15 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters. Chất tạo gel: Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate.	Chai 500ml	10.270
118	KYT006	Dung dịch rửa tay Chlorhexidine digluconate 4 %	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside. Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc.	Chai 500ml	2.340
119	KYT007	Que thử đường huyết dạng mao dẫn 0,4 microlit	Đo bằng phương pháp: Kỹ thuật hóa điện cực được thiết kế đặc biệt với 2 điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd). - Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu. - Độ chính xác cao vượt tiêu chuẩn ISO 15197:2013, cho kết quả đo tĩnh mạch tương đương 100% với kết quả phòng xét nghiệm. - Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt. - Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu. - Công nghệ ColourSure giúp hiệu nhanh ý nghĩa kết quả đo - Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4µL. - Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L) - Khoảng Hematocrit: 20 - 60% - Sử dụng cho dòng máy VerioVue	Que	56.160
120	KYT009	Que thử đường huyết dạng mao dẫn 0,5 microlit	- Sử dụng Men GOD, Công nghệ cảm biến sinh học, - Que test 8 điện cực bằng bạc, Công nghệ " No coding", - Mỗi que thử chứa các hóa chất phản ứng: Glucose oxidase <25 IU, Mediator <300 µg. - Loại bỏ sự ảnh hưởng của Hematocrit - Mỗi túi đựng que thử có chứa chất làm khô. - Có dung dịch kiểm chuẩn với 3 mức (thấp, trung bình và cao) - Lượng máu sử dụng 0,5 µL - Kết quả chuẩn sau 5 giây, - Cảnh báo hạ đường huyết (hypo warning), - Đánh dấu trước ăn và sau ăn - Giới hạn hematocrite (đái HCT) 20-70%. đo chính xác được cho Trẻ em, phụ nữ mang thai và những người bị chứng thiếu máu, - Độ chính xác ≥ 98.8 % , kết quả đo nằm trong vòng sai số ±15% với Pp chuẩn YSI plasma theo protocol của EN ISO 15197_2015. Dùng cho máy đường huyết Vivachek Ino	Que	134.810
121	KYT011	Javel nước	Dung dịch Natri hypoclorit nồng độ 12%(±2%), màu vàng xanh. Đóng gói can 20 hoặc 30 lít. Tiêu chuẩn ISO 9001	Lít	2.760
122	KYT008	Que thử đường huyết dạng mao dẫn 0,6 microlit	Que thử đường huyết dùng cho máy Accu-Chek Instant không thể mã hóa cho kết quả đúng theo protocol của ISO 15197:2013: - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65%, - Thời gian đo <4 giây, mẫu máu đo 0.6µL - Que thử hút máu bằng mao dẫn - Vùng nhận máu rộng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu - Sử dụng men thử FAD-GDH không bị ảnh hưởng bởi Oxy, đường Maltose. -Đạt tiêu chuẩn ISO 15197:2013 / EN ISO 15197:2015 và Hướng dẫn Châu Âu 98/79/EC về thiết bị chẩn đoán in Vitro - Hạn sử dụng 18 tháng. Sau khi mở nắp sử dụng được đến hết ngày ghi trên hộp	Que	33.800
123	VTH004	Bao cao su	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhưng có màu sắc tự nhiên, co giãn tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	11.310
124	VTH001	Bao đo lượng máu	Nguyên liệu: PP dùng trong y tế. Thiết kế bề mặt trơn láng, nhẹ nhàng. Đóng gói và tiệt trùng từng cái. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Cái	11.180
125	VTH046	Bao tóc	Nón trùm đầu chất liệu vải không dệt, màu xanh.	Cái	62.400

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
126	VTH006	Bộ dây đo huyết áp động mạch	Loại 1 đường đầu gắn tròn có 4 chấu phù hợp với cáp máy. Cấu tạo gồm 1 bộ dây truyền dịch, 1 bộ khuếch đại sóng, 1 bộ điều chỉnh dòng chảy, 2 khóa 3 ngã, 1 dây nối chịu áp lực cao màu trắng 150cm + đoạn nối mở rộng màu trắng. Áp suất hoạt động - 50 đến 30mmHg, trở kháng đầu ra 300Ω ± 5%, thời gian hoạt động 168 giờ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	370
127	VTH007	Bộ hút đàm kín 72h	Các cỡ: 6Fr; 8Fr; 10Fr; 12Fr; 14Fr; 16Fr. Hệ thống hút đàm kín 2 công vô trùng, thời gian sử dụng 72h. Catheter hút dịch vật liệu PVC y tế, đầu tròn, mềm có 2 lỗ hút. Có vạch đánh dấu đo độ dài. Lớp nhựa mềm trong suốt bọc ngoài. Kết nối khóa xoay với van khóa 1 chiều. Van kiểm soát có bộ nối. Có van hút rửa tự động. Đóng gói vô trùng. Không Latex, không DEHP.	BỘ	1.560
128	VTH008	Bơm tiêm áp lực cao 100ml -150 ml	Bao gồm: 1 ống bơm 100ml - 150ml, 1 dây nối dài, 1 ống hút nhanh và 1 spike, tương thích máy bơm tiêm thuốc cân quang Nemoto. Đóng gói và tiệt trùng từng cái.	BỘ	680
129	VTH009	Bơm tiêm áp lực cao 150ml - 200ml	Bao gồm: 2 ống bơm 150ml - 200ml, 1 dây nối dài và 2 ống hút nhanh, tương thích máy bơm tiêm thuốc cân quang mallinckrodt. Đóng gói và tiệt trùng từng cái.	BỘ	680
130	VTH011	Dây cho ăn các cỡ	Dây nuôi ăn các cỡ chất liệu nhựa y tế, đầu ống chia vạch theo cm, đầu tù, dây mềm, tránh tổn thương, có cỡ 6Fr, 8Fr	Sợi	970
131	VTH012	Dây garo	Dây garo. Chất liệu thun co giãn, không gây dị ứng.	Sợi	3.120
132	VTH013	Dây hút dịch đã tiệt trùng dùng một lần	Dây nhựa 10mm dài 2m, đã tiệt trùng. Nguyên liệu: Nhựa dùng trong y tế, tiệt trùng bằng EO Gas.	Cái	14.820
133	VTH015	Dây hút nhớt các cỡ	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	233.740
134	VTH018	Dây thông hậu môn các cỡ	Dây thông hậu môn các cỡ. Chất liệu: Được sản xuất từ chất liệu nhựa mềm dẻo, an toàn khi sử dụng. Chiều dài: 40cm, được đóng gói và tiệt trùng riêng lẻ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Sợi	170
135	VTH019	Dây thông tiêu 1 nhánh các cỡ	Dây thông tiêu 1 nhánh các cỡ. Dây thông tiêu 1 nhánh. Chất liệu: PVC y tế, dài 400mm, đường kính 14mm, đầu dây được bo lại tạo cảm giác thoải mái cho bệnh nhân. Đóng gói và tiệt trùng từng cái. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.	Sợi	1.820
136	VTH020	Đai cột sống thắt lưng các cỡ	Đai cột sống thắt lưng các cỡ. Đai sử dụng loại vải tốt, thanh nẹp làm từ hợp kim nhôm nhẹ, chịu lực tốt, thoáng khí, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp, dây đeo bằng băng vải nhám dính. Loại nẹp lưng cao. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Cái	340
137	VTH021	Đai Desault	Đai Desault. Đai sử dụng loại vải tốt, chịu lực tốt, thoáng khí, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp, dây đeo bằng băng vải nhám dính, thiết kế phù hợp từng bên vai. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Cái	650
138	VTH023	Gel siêu âm	Gel bôi trơn gốc nước được dùng trong siêu âm chẩn đoán y khoa. Dễ hòa tan trong nước, không kích ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	lít	940
139	VTH024	Giấy đo điện tim 50mm x 30m	Kích thước giấy: 50mm x 30m, giấy có bề mặt trơn láng, đường kẻ ô vuông rõ ràng, in chi tiết rõ, tương thích với máy đo điện tim in nhiệt.	Cuộn	890
140	VTH025	Giấy đo điện tim 63mmx 30m dạng xấp	Kích thước giấy: 63mm x 30m, giấy có bề mặt trơn láng, đường kẻ ô Vuông rõ ràng, in chi tiết rõ, tương thích với máy đo điện tim Cardisunny C120 hãng Fukuda M-E	Xấp	4.750
141	VTH026	Giấy in ảnh nội soi màu	Kích thước: 100 mm x 90 mm (4 x 3 5/8 inches), 1 xấp tối thiểu 240 tờ và kèm theo 1 ribbon mực, tương thích máy in UP-25MD hãng Sony	Xấp	290
142	VTH027	Giấy in nhiệt 57mmx30m	Giấy trắng, trơn láng, kích thước 57 mm x 30 m, đường kính 4 cm, lõi nhựa đen rỗng để gắn vào máy in	Cuộn	60
143	VTH028	Giấy in nhiệt đen trắng dùng cho máy siêu âm	Giấy in ảnh siêu âm trắng đen. Kích thước: 110 mm x 20 m, tương thích với các máy in nhiệt dùng trong siêu âm	Cuộn	1.720
144	VTH029	Giấy monitor sản đơn thai 130mm x 120mm x 300 tờ	Giấy in monitor. Kích thước: 130 mm x 120 mm x 300 tờ, bề mặt giấy có khung thông tin ghi tin hiệu sản khoa, tương thích máy monitor sản khoa Bistos BT-300	Xấp	80
145	VTH031	Giấy monitor sản đơn thai 152mm x 150mm x 200 tờ	Giấy in monitor. Kích thước: 152mm x 150mm x 200 tờ, bề mặt giấy có khung thông tin ghi tin hiệu sản khoa, tương thích máy monitor sản khoa Toitu	Xấp	80
146	VTH030	Giấy monitor sản đơn thai 151 mm x 100 mm x 150 tờ	Giấy in monitor. Kích thước: 151 mm x 100 mm x 150 tờ, tương thích máy monitor sản khoa Philips Avalon FM-20	Xấp	2.990
147	VTH032	Kẹp rôn	Chất liệu bằng nhựa PP. Các khớp răng đều, thẳng hàng; các góc cạnh không sắc nhọn. Tiệt trùng bằng khí E.O, không độc hại, không gây kích ứng. . Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Cái	15.730
148	VTH033	Kim châm cứu vô trùng đường kính 0,30 mm dài từ 50/60mm	Toàn bộ cán kim và thân kim đều được làm bằng chất liệu thép không rỉ dùng trong y tế. Túi gồm 10 kim và 1 ống dẫn. Sản phẩm đã được tiệt trùng bằng tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, GMP	Cái	178.360
149	VTH034	Kim châm cứu vô trùng đường kính 0,30mm dài từ 25/30/40mm	Toàn bộ cán kim và thân kim đều được làm bằng chất liệu thép không rỉ dùng trong y tế. Túi gồm 10 kim và 1 ống dẫn. Sản phẩm đã được tiệt trùng bằng tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, GMP	Cái	105.950
150	VTH035	Kim châm cứu vô trùng đường kính 0,35 mm dài 90mm	Toàn bộ cán kim và thân kim đều được làm bằng chất liệu thép không rỉ dùng trong y tế. Túi gồm 10 kim và 1 ống dẫn. Sản phẩm đã được tiệt trùng bằng tia Gamma. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, GMP	Cái	8.450
151	VTH036	Khẩu trang giấy	Khẩu trang chất liệu vải không dệt, màu xanh, có gọng để cố định lên mũi khi đeo vào, 3 lớp vải và có 2 quai thun đeo tai.	Cái	98.280
152	VTH040	Miếng dán đo điện tim	Cảm biến được phủ lớp Ag/ AgCl, giúp dẫn truyền tốt. Tính linh hoạt của foam (xốp) giữ điện cực ở vị trí ổn định, tăng hiệu quả của thử nghiệm. Gel rắn dính Aqua-Tac dẫn điện và kết dính tốt dễ dàng loại bỏ không để sót lại gel . Kích thước 50x55mm. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	59.280

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
153	VTH043	Nẹp cổ cứng	Nẹp cổ cứng. Chất liệu: Nhựa EVA thoáng, cứng, cố định tốt. Thiết kế cố định cổ khi sơ cứu, cố định điều trị đốt sống cổ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Cái	210
154	VTH044	Nẹp đùi các cỡ	Nẹp đùi dài các cỡ. Nẹp sử dụng loại vải đặc biệt, chịu lực tốt, thoáng khí, đảm bảo hạn chế tối đa sự di lệch của xương và khớp, vải nhám dính. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Cái	20
155	VTH045	Nẹp Iseline 25cm	Nẹp Iseline 25cm. Chất liệu: nhôm và xốp. Kích thước 25cm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Cái	700
156	VTH050	Ông pezzet các cỡ	Ông pezzet các cỡ. Chất liệu: cao su thiên nhiên phủ silicon. Đóng gói và tiệt trùng từng cái. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.	Cái	90
157	VTH051	Ông thông dạ dày cân quang các cỡ	Gồm các số 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. Chiều dài > 120cm. Đoạn cuối được thông mở và có dạng tròn với 4 lỗ hai bên. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	6.370
158	VTH052	Ông thông dẫn lưu ổ bụng các cỡ	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.630
159	VTH053	Ông thông JJ	Dùng để dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang. Kích thước: 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr. Chất liệu: Polyurethane. Dài: 26cm, gồm JJ dạng pigtail và cây đậy.	Cái	160
160	VTH056	Ông thông tiểu 2 nhánh các cỡ	Làm bằng cao su thiên nhiên phủ silicone, 2 nhánh. Số 6 dài 270mm, thể tích bóng 3ml, (đường kính: 2.0mm); số 8 và số 10 dài 270mm, thể tích bóng 3-5ml, (đường kính số 8: 2.7mm, số 10: 3.3mm); số 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30 dài 400mm, thể tích bóng 30ml, (đường kính số 12: 4.0mm, số 14: 4.7mm, số 16: 5.3mm, số 18: 6.0mm, số 20: 6.7mm, số 22: 7.3mm, số 24: 8.0mm, số 26: 8.7mm, số 28: 9.3mm, số 30: 10.0mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	13.260
161	VTH057	Que đê lưới gỗ	Đê lưới gỗ tiệt trùng từng que. Làm bằng gỗ đã qua xử lý, 2 đầu bo tròn, kích thước que: 150mm x 20mm x 2mm, tiệt trùng bằng tia Gamma, mỗi que đóng gói từng túi nylon	Cái	46.800
162	VTH059	Túi đựng nước tiểu	Dung tích: 2000ml, lối thoát dưới, với ống đầu vào dài 90cm, có dây treo. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Cái	14.170
163	VTH060	Vôi Soda	Thành phần Ca(OH) ₂ . NaOH. Hạt màu trắng hoặc trắng xám hay màu hồng nhạt, dùng để hấp thụ khí CO ₂ .	Kg	290
164	VTH063	Kim chích máu	Kim chích máu (lancet) tiệt trùng	Cái	224.770
165	VTH061	Clip kẹp mạch máu titan các cỡ	Clip mạch máu 2 thì titanium, loại trung bình-lớn, màu xanh lá cây. Cơ chế đóng 2 thì, đóng đầu clip trước, hạn chế sự trượt mô. Cấu tạo mặt trong dạng kim cương. Kích thước: 8,1mm x 7,9mm. Thiết kế vi đựng clip có vết lõm trên các mặt vi đựng giúp thao tác tiện lợi. Vi đựng có bề mặt bám dính. Vi clip được mã hóa theo màu. Tiêu chuẩn ISO.	Cái	750
166	VTH064	Ông hút điều kinh	Sản xuất bằng nhựa PVC dài 22cm, đường kính vòng ngoài của ống 4mm. Ông nhựa trong, mềm dẻo. Đầu hút tròn láng không bavaria. Có các số: 4, 5, 6mm. Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Cái	260
167	VTH065	Đai xương đòn	Chất liệu vải cotton, nút xốp, khóa Velcro các số	Cái	340
168	VTH010	Cây đặt nội khí quản khó	Cây dẫn đường đặt nội khí quản đầu cong nhẹ. Có đường thông khí, có vạch chia đánh dấu độ dài trên thân. Cỡ OD 5; 15Fr x 700mm. Tiêu chuẩn ISO	Cái	390
169	VTH014	Dây hút dịch màng phổi	Dây hút dịch màng phổi. Chất liệu: PVC y tế pha silicon, màu trắng trong suốt. Đóng gói và tiệt trùng từng cái.	Cái	370
170	VTH022	Đầu lọc vi khuẩn cho hô hấp ký	Lọc đo chức năng hô hấp đầu ngâm elip, đường kính trong 30mm, đường kính ngoài 33mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	3.640
171	VTH037	Đầu lọc vi khuẩn	Lọc vi khuẩn, vi rút, làm ấm dùng cho máy thở, có công lấy mẫu khí đo CO ₂ . Hiệu quả lọc vi khuẩn 99.99%, lọc vi rút tới 99.99%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	13.390
172	VTH005	Bộ dây dẫn khí 2 bẫy nước dùng cho máy thở	- Sản phẩm sử dụng một lần; đã được tiệt trùng bằng EO. - Ông dây dạng gọn sóng; đầu nối Đầu đực 22 mm/ Đầu cái 15 mm và đầu nối đầu cái 22 mm phù hợp với ISO5356-1-22mm. - Dây được cấu tạo từ các bộ phận sau: 01 đầu nối vuông góc 90° (kích thước 22mm đầu đực/15mm đầu cái); 01 nắp Luer có dây giữ; 01 đầu nối chữ Y; 04 đoạn dây dạng gọn sóng; 02 đầu nối cuối (kích thước 22mm, dạng đầu cái); 02 bẫy nước; 01 đoạn limb dài 600mm. - Vật liệu: + PP: đầu nối vuông, đầu nối chữ Y, đầu nối cuối, bẫy nước. + TPE: nắp Luer. + PP + EVA: ống dây dạng gọn sóng. - Chiều dài tổng thể dây trừ đầu nối vuông: 1600 mm.	Bộ	650
173	VTH062	Lọc khuẩn 3 chức năng	Phin lọc 3 chức năng: lọc khuẩn, làm ấm, ẩm. Hiệu quả lọc vi khuẩn 99.9999%, lọc vi rút tới 99.99%. Phin lọc nhỏ nhẹ. Không chứa latex, không DEHP. Khoảng chết 35ml Trọng lượng 31g Đầu nối 22M/ 15F - 15M/ 22F. Độ ẩm đầu ra: 31mg H ₂ O ở VT 600ml, hoặc 30mg H ₂ O ở VT 800ml, hoặc 30mg H ₂ O ở VT 1000ml. Trở kháng 1 cm H ₂ O ở 30 lit/ phút. Trở kháng 1.8 cm H ₂ O ở 60 lit/ phút. Có công đo etCO ₂ . Phần vỏ trong suốt Thể tích khí lưu thông nhỏ nhất 150ml (Thể tích khí lưu thông 150 - 1000 ml) Phần làm ấm: có giấy với các giếng siêu nhỏ giúp hút ẩm và kháng khuẩn. Phần lọc: có lọc kỵ nước, làm từ polypropylene, lọc theo cơ chế tĩnh điện (electrostatic)	Cái	13.390

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
174	VTH016	Dây oxy 1 nhánh	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm. Một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được bo tròn. Có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10 mm, 20mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	130
175	VTH017	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm, có chiều dài 2.200 mm, thành trong lòng ống dây có hình sao, có tác dụng trống không bị tắc nghẽn khí oxy khi ống dây bị đè bẹp hay bị gãy gấp, một đầu dây được gắn phễu, đầu còn lại được gắn co 2 nhánh mềm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485	Sợi	31.460
176	VTH038	Mặt nạ oxy có túi các cỡ	Mặt nạ xông khí dung dùng để kết hợp cùng máy xông khí dung. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	2.470
177	VTH039	Mặt nạ phun khí dung các cỡ	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị xoắn. Tốc độ/ tỷ lệ phun sương không ít hơn 0,25ml/ min. Kích cỡ hạt thuốc không nhỏ hơn 5 µm. Cỡ nhỏ cho trẻ em. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	2.990
178	VTH041	Mở khí quản 1 nòng	Khai mở khí quản với thiết kế có bóng trong có thể tháo rời để làm sạch, tránh nghẹt tắc đờm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	110
179	VTH042	Mở khí quản 2 nòng, các cỡ	Bộ mở khí quản 2 nòng có bóng, có cánh, có cửa sổ hoặc không có cửa sổ. Lưu 29 ngày. Canuy mở khí quản bằng PVC y tế không latex. Đầu tip thuôn gọn có đường cản quang trên thân ống, độ cong 105 độ. Cánh mềm trong suốt. Bóng thể tích lớn, áp lực thấp. Dây bơm bóng có đánh dấu chỉ thị kích thước ống và đường kính nghi nóng trên bóng bơm. 2 nòng sử dụng độc lập, đầu bo tròn, có mẫu ngắt, tương thích với đầu nối tiêu chuẩn 15mm. có 1 dây cố định mở khí quản. có 1 chổi vệ sinh nòng trong và nhân ghi chú đi kèm. Kích cỡ: số 6 (ID 6.0mm; OD 9.2mm; L 64.5mm), số 7 (ID 7.0mm; OD 10.5mm; L 70mm), số 7.5 (ID 7.5mm; OD 11.3mm; L 73mm), số 8 (ID 8.0mm; OD 11.9mm; L 75.5mm); số 8.5 (ID 8.5mm; OD 12.6mm; L 78mm), số 9 (ID 9.0mm; OD 13.3mm; L 81mm), số 10 (ID 10.0mm; OD 14mm; L 87.5mm). Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE.	Cái	40
180	VTH002	Nắp bình dẫn lưu màng phổi	Dùng để hút các chất dịch, chất lỏng lấy ra từ cơ thể người bệnh. Được tiệt trùng bằng khí EO. Chiều dài dây dẫn: 90 cm.	Cái	370
181	VTH047	Nội khí quản lò xo có bóng, không bóng các cỡ	Loại Murphy. Vật liệu PVC phủ silicone. Bóng thể tích lớn áp lực thấp (< 25cmH2O). Lò xo gia cố làm bằng thép không gỉ. Thân ống có 2 vạch đánh dấu độ sâu dày đậm gần bóng. Size 2.5 (OD=4.2mm, đk bóng= 8.0mm), 3.0 (OD=4.8mm, đk bóng= 8.0mm), 3.5 (OD=5.4mm, đk bóng= 10.0mm), 4.0 (OD=6.0mm, đk bóng 10.0mm), 4.5 (OD=6.9 mm, đk bóng 12.0mm), 5.0 (OD=7.5 mm, đk bóng 14mm), 5.5 (OD=8.2 mm, đk bóng 17.0mm), 6.0 (OD= 8.8 mm, đk bóng 20.0mm), 6.5 (OD= 9.7 mm, đk bóng 20.0mm), 7.0 (OD=10.2 mm, đk bóng 23.0mm), 7.5(OD= 11 mm, đk bóng 25.0 mm), 8.0 (OD=11.6 mm, đk bóng 26.0mm), 8.5 (OD=12.3mm, đk bóng 27.0mm), 9.0 (OD=12.9mm, đk bóng 29.0mm). Không latex, không phthalate (DEHP). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Sợi	780
182	VTH048	Ống dẫn lưu màng phổi có nắp các cỡ	Vật liệu bằng PVC. Kích cỡ từ 12Fr đến 36Fr. Tương ứng đường kính ngoài từ 4.4mm đến 12mm, đường kính trong từ 2.9mm đến 8.5mm. Chiều dài 450mm. Ống catheter cản quang. Có vạch chia đánh dấu cách nhau 2cm trên ống, có nhiều lỗ trên ống. Có co nối đi kèm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	340
183	VTH049	Ống nối máy thở (Catheter Mount)	Vật liệu PP. Chiều dài ống 15cm. Co nối xoay 360 độ, có cổng hút dịch và lấy mẫu khí có nắp đậy kép. Co nối kết nối ống nội khí quản 15F/22M. Co nối kết nối dây thở 22F. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cái	6.110
184	VTH054	Ống thông khí đường thở các cỡ	Ống thông khí đường thở các cỡ (Airway) được làm từ polythene không độc hại.	Cái	11.600
185	VTH055	Ống thông nội khí quản các cỡ	Ống thông nội khí quản các cỡ từ 2.0 - 10.0. Chất liệu: PVC trong, không độc hại, có bóng hoặc không bóng, đầu ống vát được mài nhẵn, độ cong thân ống phù hợp với cấu tạo sinh lý của cơ thể. Đóng gói và tiệt trùng từng cái. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	13.770
186	CATH01	Catheter tĩnh mạch rốn các cỡ	01 catheter chất liệu PVC, Dài 37cm, cỡ 3.5 Fr, Tốc độ dòng truyền dịch >6ml/ phút. Dài 37cm, cỡ 5 Fr, Tốc độ dòng truyền dịch >31ml/ phút. 01 catheter chất liệu PVC, Dài 37cm, cỡ 4 Fr, Tốc độ dòng truyền dịch >16ml/ phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	200
187	CATH02	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng bằng polyurethan	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng: - Nòng cỡ 16G, 18G, 18G - Catheter cỡ 7Fr chất liệu polyurethane cản quang, dài 20cm, tương thích sinh học và chống yếu tố đông máu. - Dây dẫn (Guildwire) bằng thép không gỉ với lõi nitinol, đầu J linh hoạt màu xanh, 0.035'' x 70 cm - Kim Y dẫn đường (18Gx7.0 cm) - Kim nong (dilator) 8Fr – 10 cm - Tốc độ dòng: 7Fr x 20cm D(xa)= 49~62 ml/phút; M(trung tâm) = 18~23 ml/phút; P(gần)= 18~23 ml/phút - Vô trùng EO. Không DEHP. Không Latex - Bơm tiêm 5cc, dao mổ - Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Bộ	380

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
188	CATH03	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng cỡ 7Fr dài 20cm	Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí -Catheter bằng chất liệu polyurethan tương hợp cao, giúp lưu catheter lâu -Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn -Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter - Tốc độ dòng chảy tối thiểu Distal/Middle/ Proximal: 46/22/22ml/phút - Thể tích làm đầy: Distal/ Middle/Proximal 0,380/0,215/0,205ml	Bộ	380
189	CATH04	Bộ luồn tĩnh mạch cho thận nhân tạo 2 đường 12Fr, dài 16cm-20cm, kim Y dẫn đường	Catheter cho thận nhân tạo ngắn hạn 2 nòng. Chất liệu Polyurethane, có cân quang, đầu mềm, thân chia vạch mỗi 5cm. Có guidewire đầu chữ J đường kính 0.035", có cỡ chiều dài 50cm và 70cm. Catheter đường kính 12Fr, có cỡ chiều dài 16cm và 20cm. Thể tích mỗi: 1.0 - 1.2cc (1.2 - 1.4cc). Tốc độ dòng chảy đến 350ml/phút. Một bộ gồm 1 kim chọc dò chữ Y, 1 cây nong 12Fr - 10cm, 1 xylanh 5ml, 1 dao, Nininol Guidewire. Tiêu chuẩn ISO, CE	Bộ	370
190	CATH05	Bộ luồn tĩnh mạch cho thận nhân tạo 2 đường 12Fr, dài 20cm, kim Y dẫn đường	Catheter chạy thận nhân tạo 12F có cỡ dài 15cm, 20cm bao gồm: Catheter dây nối thẳng làm bằng vật liệu polyurethan cân quang, tương thích sinh học, latex free. Dây dẫn đầu J 0.038" x 60cm. 2 cây nong 8Fr x 10cm và 12Fr x 15cm. Kim Y dẫn đường 18Ga x 7cm, bơm tiêm 5cc, dao mổ. Thể tích mỗi 20cm (A động mạch 1.4ml, V tĩnh mạch 1.5ml); 15cm (A= 1.2ml và B=1.3ml). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bộ	370
191	CATH06	Catheter động mạch	Catheter động mạch Arline bao gồm: catheter 20G dài 8cm, guide wire 0.021"x 20cm, kim dẫn thẳng 20Ga x 4cm, bơm tiêm 2.5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Bộ	190
192	CAM001	Miếng ghép điều trị thoát vị nội soi cỡ 10cmx15cm	Mảnh ghép Polypropylene sọc xanh (Phthalocyaninato (2-) copper) 10 x15cm, kích thước lỗ 1.5mm, khối lượng 60g/m2, dày 0.55mm., lực căng kéo dọc: 70N/cm, lực căng kéo ngang trung bình 65N/cm. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Miếng	130
193	CAM002	Tấm lưới điều trị thoát vị 5cmx10cm	Mảnh ghép Polypropylene loại nặng, kích thước lỗ 0.8mm, khối lượng 82g/m2, dày 0.48mm, lực căng kéo dọc: 100N/cm, lực căng kéo ngang trung bình 61N/cm. kích thước 5x 10cm. Tiêu chuẩn EC, ISO.	Miếng	260
194	CAM003	Tấm lưới điều trị thoát vị 6cmx11cm	Mảnh ghép được tạo thành từ các đơn sợi Polypropylene. Kích thước 6cmx11cm ($\pm 5\%$). Lỗ lưới vuông chu vi 3.2mm. Trọng lượng 32-37 g/m2. Độ dày 320 micromet. Hạn sử dụng 5 năm. Tiêu chuẩn kích cỡ theo USP, EP. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE.	Miếng	260
195	CAM004	Sáp cầm máu tiết trùng dùng cho xương	Không hấp thụ và không có tác dụng sinh hóa, được sử dụng để kiểm soát chảy máu trên bề mặt xương bị thương trong quá trình phẫu thuật điều chỉnh xương. Được sản xuất từ 70% sáp ong tự nhiên, 18% parafin và 12% IPP (Isopropyl Palmitate). Đóng gói bằng bao bì kép. Hạn sử dụng 5 năm. Khử trùng bằng bức xạ Gamma. Trọng lượng 2.5gr hoặc 3.0gr. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Miếng	280
196	CAM006	Bông xốp cầm máu tự tiêu gelatin 70x50x110mm	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiết trùng, kích thước 70x50x110mm. Độ phồng sau khi thấm hút bằng 40 lần so kích thước sản phẩm. Tự tiêu hoàn toàn sau 4 -6 tuần. Tiêu chuẩn CE	Miếng	1.000
197	CAM007	Miếng cầm máu mũi	Được làm bằng PVA (Polyvinylal Alcohol) tương thích sinh học, xốp (bọt biển) có thể nở rộng. Kích thước lỗ siêu nhỏ giúp thu nhỏ mô, dễ dàng cắt bằng kéo hoặc bằng tay. Có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng của chính nó. Khả năng nở rộng dưới áp lực niêm mạc. Kích thước 8 x 1.5 x 2cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Miếng	630
198	CAM008	Vật liệu cầm máu tự tiêu 10cmx20cm	Vật liệu tự tiêu dạng gạc tiết trùng kỹ thuật xâm kim được dệt từ cellulose oxy hóa tái hấp thụ (oxidized non- regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật (bông sợi dài) chứa nhóm cacboxyl (COOH) 16%-24%, kích thước 10 x 20 cm. Hiệu quả cầm máu nhanh 1,5 phút. Thời gian hấp thụ từ 7-14 ngày. Có tính kháng khuẩn cao kháng được 36 chủng bao gồm các chủng vi khuẩn kháng sinh MRSA, PRSP, VRE, MRSE. Độ pH từ 2.2 - 4.5. Tiết trùng bằng tia gamma (y): 18-32 kGy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Miếng	190
199	HMNT01	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh	Túi chứa phân một mảnh loại trong, màu nâu, loại xả, kèm đế, dùng khóa kẹp. Đường kính cắt 10-70mm. Đế dán chắc chắn và mềm dẻo, bền vững với chất thải ăn mòn, chống loét. Túi làm bằng chất liệu nhẹ, mềm mại, hút thấm mồ hôi. Túi trong loại xả. Nguyên lý hoạt động: được dán bao xung quanh lỗ mở ra da của bệnh nhân để chứa chất thải.	Cái	1.560
200	BOT001	Băng bột bó 10cm x 365cm	Băng bột bó 10cm x 365cm. Mật độ sợi/inch vải nền theo hàng dọc: 10 \pm 0.5; theo hàng ngang: 8 \pm 0.5. Khối lượng/đơn vị diện tích, g/m2 vải nền: 25 \pm 5. Thời gian bão hòa không lớn hơn 10 giây. Thời gian đóng rắn không lớn hơn 8 phút. Ứng suất gãy mẫu đúc không nhỏ hơn 300N. Đóng gói kín trong bao nhôm tráng nhựa PE. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, GMP, CE.	Cuộn	15.450
201	BOT002	Băng bột bó 15cm x 270cm	Băng bột bó 15cm x 270cm. Mật độ sợi/inch vải nền theo hàng dọc: 10 \pm 0.5; theo hàng ngang: 8 \pm 0.5. Khối lượng/đơn vị diện tích, g/m2 vải nền: 25 \pm 5. Thời gian bão hòa không lớn hơn 10 giây. Thời gian đóng rắn không lớn hơn 8 phút. Ứng suất gãy mẫu đúc không nhỏ hơn 300N. Đóng gói kín trong bao nhôm tráng nhựa PE. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, GMP, CE.	Cuộn	14.040
202	GON001	Băng cuộn tiết trùng 9cmx2m	Băng cuộn y tế 9cmx2m tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn. 9cmx2m, 5 cuộn/ gói, tiết trùng bằng EO Gas. Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485, FDA-CE	Cuộn	18.330
203	GON002	Bộ tiêm chích FAV tiết trùng	Vết thương dẫn lưu thận (Bộ tiêm chích FAV tiết trùng). Đặc tính kỹ thuật: - Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{ml/s}$ (≤ 10 giây), tiết trùng bằng EO Gas. Trọng lượng: 32gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 ; ISO9001, FDA,CE	Gói	56.680
204	GON003	Bông y tế viên 25gr tiết trùng	Bông viên 25gr, tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Bông xo tự nhiên 100% cotton. Quy cách: 2cmx2cm, 25gr, tốc độ thấm hút ≤ 10 giây, tiết trùng bằng EO Gas. Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	52.650

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
205	GON004	Gạc hồi sức hậu phẫu tiết trùng	Gạc hồi sức hậu phẫu (HSHP) tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), gạc 10cm x 0,6cm: 3 miếng, tiết trùng bằng EO Gas. Trọng lượng: 17gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	78.000
206	GON005	Gạc gỗ phòng mổ tiết trùng	Gạc phòng mổ (Gỗ phòng mổ). Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), gạc 35 x 45cm: 10 cái, tiết trùng EO Gas. Trọng lượng: 25gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	11.960
207	GON006	Gòn gạc cấp cứu tiết trùng 1	Gòn - gạc cấp cứu I tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: - Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), gạc 10cmx0,6m: 10 miếng, tiết trùng bằng EO Gas. Trọng lượng: 38gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	16.900
208	GON007	Gòn gạc cấp cứu tiết trùng 2	Gòn - gạc cấp cứu II tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), gạc 18cm x 0,6cm: 5 miếng, gạc 10cm x 0,6cm: 10 miếng, tiết trùng bằng EO Gas. Trọng lượng: 56gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	17.160
209	GON008	Khăn chặm máu tiết trùng	Khăn chặm máu tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), Gạc 14cmx85cm: 4 miếng, cân quang, tiết trùng bằng EO Gas. Trọng lượng: 66gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	20.280
210	GON009	Gạc Mech mũi tiết trùng	Mech mũi tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), Dài 1cmx 1,5m, tiết trùng bằng EO Gas. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	300
211	GON010	Gạc Mech mũi nội soi	Mech mũi nội soi. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), dài 1cmx 30cm, 6 sợi/ gói, tiết trùng bằng EO Gas. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	2.930
212	GON011	Gòn gạc dùng cho vết thương có ống dẫn lưu tiết trùng	Vết thương có ống dẫn lưu tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), gạc 18cm x 0,6cm: 1, Gạc 10cm x 0,6cm: 2, Gòn viên 20 viên, tiết trùng bằng EO Gas. Trọng lượng: 25gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE.	Gói	25.740
213	GON012	Gạc vô trùng 10cm x 10cm x 8 lớp	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp. Gạc được dệt từ sợi 100% cotton. Mật độ 19x20 sợi/inch. Trị số sợi CD 32/1. Trọng lượng 25.5 grams/m ² . Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Sản xuất đạt tiêu chuẩn của Việt Nam, ISO 13485, GMP, FDA hoặc tương đương	Gói	3.510
214	GON013	Gòn mỡ	Gòn không thấm nước. Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Kg	210
215	GON014	Gòn 100 gram	Gòn thấm nước. Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Gói	650
216	GON015	Gạc dẫn lưu	Gạc dẫn lưu. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Vải không dệt, thấm hút, đã tiết trùng, 1cm x 200cm x 4 lớp. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Cuộn	360
217	GON016	Gòn gạc dùng cho vết thương nhiễm mắt tiết trùng	Vết thương nhiễm mắt tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), gạc 0,6x0,6cm: 02 miếng, gòn viên nhỏ: 10 viên tiết trùng bằng EO Gas. Trọng lượng: 15gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	260
218	GON017	Bao camera nội soi vòng thun lớn	Bao camera nội soi vòng thun lớn. Quy cách: 1 cái/ gói. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Nhựa dùng trong y tế, đường kính 150cmx2m, tiết trùng bằng EO Gas. Tiêu chuẩn: ISO13485	Gói	15.730
219	GON018	Gạc amidal tiết trùng	Gói gạc amidal tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), Tampon 3 viên, tiết trùng bằng EO Gas. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	70
220	GON019	Gòn gạc răng hàm mặt tiết trùng	Gòn - gạc răng hàm mặt tiết trùng. Đặc tính kỹ thuật: Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, thấm hút, trắng mịn, tốc độ thấm hút $\geq 0,6\text{mL/s}$ (≤ 10 giây), gạc 10cmx0,8: 10 miếng, gòn viên trung 4 viên, tiết trùng bằng EO Gas. Trọng lượng: 31 gr/ gói. Tiêu chuẩn: ISO13485:2016, ISO 9001, FDA-CE	Gói	70
221	LOM001	Bột NaHCO ₃	Túi bột khô Natri hydrogenocarbonate (NaHCO ₃): 900 g, công kết nối phù hợp với máy lọc máu 4008S, 5008S hoặc tương đương	Túi 900gr	43.030
222	LOM002	Dung dịch khử khuẩn quá lọc	Thành phần: Peracetic acid: 5%; Hydrogen peroxide 26,53%; Acetic acid: 7,83%.	Can 5 lít	3.320
223	LOM003	Dung dịch khử khuẩn	Thành phần: Peracetic Acid C ₂ H ₄ O ₃ : 4,2%, Hydrogen Peroxide H ₂ O ₂ : 30%, Acetic Acid CH ₃ COOH: 4,9%	Lít	780
224	LOM004	Dung dịch B dùng trong lọc máu	Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H ₂ O: 0.5 g • pH : 7.3 - 8.6 • Al ≤ 0.1 mg/ml trên chế phẩm chưa pha loãng • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Can dịch và nắp dịch bên trong can đạt tương hợp sinh học, thực hiện bởi phòng Lap quốc tế Nelson: + Can/Nắp can không gây tán huyết + Can/Nắp can không có chất gây độc tế bào + Can/Nắp can không chứa chất gây sốt chất gây sốt Đạt tiêu chuẩn CE	Lít	7.800

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
225	LOM005	Dung dịch A dùng trong lọc máu	Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: <ul style="list-style-type: none"> • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H₂O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H₂O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H₂O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Can dịch và nắp dịch bên trong can đạt tương hợp sinh học, thực hiện bởi phòng Lap quốc tế Nelson: + Can/Nắp can không gây tán huyết + Can/Nắp can không có chất gây độc tế bào + Can/Nắp can không chứa chất gây sốt Đạt tiêu chuẩn CE	Lít	326.300
226	LOM006	Dịch rửa máy	Thành phần trong 100g dung dịch: 21g citric acid 1-hydrate; lactic acid, malic acid	Lít	4.810
227	LOM007	Kim chạy thận nhân tạo	Kim bướm thận nhân tạo kích thước 16G, có vát lõ sau, tráng silicone.	Cái	127.920
228	LOM008	Bộ dây lọc máu dùng cho máy lọc máu HDF Online	Bộ dây lọc máu cho máy Online HDF bao gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch và safeline, chất liệu tương hợp tốt với máu và phản ứng độc tế bào thấp, không có DEHP. Tương thích máy lọc máu 5008 hãng Fresenius hoặc tương đương	Bộ	2.020
229	LOM009	Bộ dây máu thận nhân tạo	Bộ dây máu chạy thận nhân tạo có kèm 02 bộ bảo vệ cảm biến, 1 túi nước thải, 1 dây truyền dịch, 1 dây động mạch, 1 dây tĩnh mạch. Thể tích làm đầy 164 ml. Làm bằng nhựa y tế mềm PVC, đầu nối và các thành phần khác: PVC, PE, PP, PC, ABS và các nguyên liệu y khoa. Dây máu không chứa cao su tự nhiên. Dây tĩnh mạch với bầu tĩnh mạch dài 130 mm. Dây động mạch với bơm máu (đường kính trong 8mm x đường kính ngoài 12mm x chiều dài 350mm), bầu động mạch dài 109mm. Tiệt trùng bằng ETO	Bộ	78.520
230	LOM010	Màng lọc phụ	Quả lọc phụ, chất liệu Polysulfone, diện tích màng 2,2m ² .	Cái	20
231	LOM011	Quả lọc máu nhân tạo có hệ số lọc 64ml/giờ x mmHg	Chất liệu màng: Helixone Plus Diện tích màng: 1.8m ² Thể tích mỗi: ≤95ml Hệ số siêu lọc QB: 300ml/ phút: ≥ 64 ml/giờ/mmHg. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Hệ số sàng lọc: β ₂ -Microglobulin:0.9; Albumin:<0.001. Độ thanh thải (với Q _b : 300ml/min) +Ure: ≥280ml/min + Creatinine: ≥261ml/min. + Phosphate: ≥248ml/min. + Vitamin B12: ≥190ml/min. Áp lực xuyên màng: ≥600 mmHg Tiệt trùng: hơi nước inline. Đạt tiêu chuẩn ISO13845 & CE	Quả	2.730
232	LOM012	Quả lọc máu nhân tạo có hệ số lọc 16ml/giờ x mmHg	Diện tích màng 1.6 m ² Chất liệu màng: Polysulfone Hệ số siêu lọc: 16 ml/giờxmmHg Thể tích mỗi: 96 ml Độ dày thành (μm): 40 Đường kính trong (μm): 200 Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 600 Tốc độ bơm máu: 200-500 mL/phút. Với lưu lượng máu 300mL/phút thì độ thanh thải Urea (247), Creatinine (220), Phosphate (186), B12 (113) Tiệt trùng: Hơi nước inline Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485	Quả	17.850
233	LOM013	Que thử paracetic acid	Thử nồng độ của axit paracetic trong dung dịch sát khuẩn quả lọc	Que	2.080
234	LOM014	Que thử peroxide	Thử nồng độ của peroxide còn tồn dư trong đường dịch thẩm phân hoặc quả lọc sau khi khử khuẩn bằng các chất khử khuẩn axits paracetic hoặc peroxide	Que	16.900
235	LOM016	Túi đựng nước thải dùng trong lọc máu	Túi đựng nước thải dùng trong lọc máu tương thích máu Multifiltrate hãng Fresenius hoặc tương đương	Cái	260
236	LOM017	Bộ điều trị lọc tách huyết tương	Bộ điều trị lọc tách huyết tương bao gồm: quả lọc (diện tích 0.6 m ² ; thể tích mỗi 67ml), cassette (gắn kết dây máu động tĩnh mạch, dây dẫn dịch thải), dây dẫn huyết tương với 2 bầu sủi ấm, túi đựng dịch thải. Tương thích máy Multifiltrate hãng Fresenius hoặc tương đương	Bộ	20
237	LOM018	Bộ quả lọc và dây máu dùng trong lọc máu liên tục	Bộ điều trị thẩm tách siêu lọc máu liên tục bao gồm: quả lọc (diện tích 1.4 m ² ; thể tích mỗi 100ml), cassette (gắn kết dây máu động tĩnh mạch, dây dẫn dịch thải), dây dẫn dịch thay thế với bầu sủi ấm, dây dẫn dịch lọc với bầu sủi ấm. Tương thích máy Multifiltrate hãng Fresenius hoặc tương đương	Bộ	260

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
238	LOM019	Bộ quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: • Màng lọc: dạng sợi rỗng cấu trúc Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer • Vò và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG • Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc • TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml Diện tích màng: 0,9m ² Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240 μ m Độ dày thành sợi lọc: 50 μ m	Bộ	30
239	LOM020	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn Heparin	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: • Màng lọc cấu tạo 3 lớp: - Sợi rỗng cấu trúc Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer: giúp hấp phụ các Cytokine - Polyethylenimine (PEI): giúp hấp phụ Nội độc tố - Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500 \pm 1500 IU/m ²): giảm khả năng tạo huyết khối ở màng • Vò và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: PETG • Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc • TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193 ml Diện tích màng: 1,5m ² Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240 μ m Độ dày thành sợi lọc: 50 μ m	Bộ	80
240	LOM021	Túi đựng dịch thải	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (\varnothing 8 mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex Thể tích: 5L	Cái	130
241	LOM022	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m ² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μ m - Độ dày thành sợi lọc: 150 μ m - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút"	Bộ	20
242	OX0001	Khí CO ₂ y tế nạp vào chai	Công thức hóa học: CO ₂ . Trạng thái vật lý: chất khí. Điểm kết tinh (độ C): -56,6; Điểm sôi (độ C): -78. Điểm chớp cháy: không áp dụng. Màu sắc: không màu. Độ hòa tan trong nước (ở 20 độ C) \leq 2.000 g/l. Mùi đặc trưng: không mùi. Hàm lượng (% theo trọng lượng): \geq 99%. Sử dụng trong y tế và công nghiệp. 10 kg/chai (một lần nạp)	Chai	320
243	OX0003	Khí oxy y tế hóa lỏng	Công thức hóa học: O ₂ . Trạng thái vật lý: chất lỏng. Điểm sôi (độ C): -183. Điểm nóng chảy (độ C): -218. Màu sắc: xanh nhạt. Dễ phát hòa với nhóm Hydrocacbon (dầu, mỡ...). Mùi đặc trưng: không mùi, không vị. Hàm lượng (% theo trọng lượng): \geq 99,6%. Độ hòa tan trong nước \leq 36,4 lít/m ³ nước. Được chứa trong bồn chuyên dùng theo tiêu chuẩn. Khối lượng riêng (kg/L) \geq 1.140; Sử dụng trong y tế	Kg	769.600
244	OX0005	Khí oxy y tế nạp vào chai 6m ³	Công thức hóa học: O ₂ . Điểm sôi (độ C): -183. Trạng thái vật lý: chất khí. Điểm nóng chảy (độ C): -218. Màu sắc: không màu (trong suốt). Dễ phát hòa với nhóm Hydrocacbon (dầu, mỡ...). Mùi đặc trưng: không mùi, không vị. Hàm lượng (% theo trọng lượng): \geq 99,6%. Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ 21 độ C, áp suất tiêu chuẩn 1,013 bar: 1,105. Độ hòa tan trong nước \leq 36,4 lít/m ³ nước. Áp suất \geq 150 kg/cm ² . Khối lượng riêng (kg/m ³) \geq 1,4289. Sử dụng trong y tế và hàn cắt kim loại. Đóng gói trong bình thép không hàn. 6 m ³ /chai	Chai	2.340

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
245	OX0004	Khí oxy y tế nạp vào chai 3m3	Công thức hóa học: O ₂ . Điểm sôi (độ C): -183. Trạng thái vật lý: chất khí. Điểm nóng chảy (độ C): -218. Màu sắc: không màu (trong suốt). Dễ phát hòa với nhóm Hydrocacbon (dầu, mỡ...). Mùi đặc trưng: không mùi, không vị. Hàm lượng (% theo trọng lượng): ≥ 99,6%. Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ 21 độ C, áp suất tiêu chuẩn 1,013 bar: 1,105. Độ hòa tan trong nước ≤ 36,4 lít/m ³ nước. Áp suất ≥ 150 kg/cm ² . Khối lượng riêng (kg/m ³) ≥ 1,4289. Sử dụng trong y tế và hàn cắt kim loại. Đóng gói trong bình thép không hàn. 3 m ³ /chai	Chai	7.540
246	DCXN01	Đầu tips vàng có khóa	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Cái	67.600
247	DCXN02	Đầu tips xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, có khóa làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	Cái	6.500
248	DCXN03	Lam kính dài 22mmx50mm	Làm bằng kính trong suốt, không mờ, không bọt khí, không vết nứt. Đọc được rõ kết quả rõ ràng chính xác qua kính hiển vi, kích thước 22mmx50mm	Cái	28.600
249	DCXN04	Lam kính nhám	Lam kính nhám, kích thước: 25.4mm x76.2 mm, dày: 1 mm - 1,2 mm, 1 đầu mặt kính trơn và 1 đầu nhám.	Cái	3.900
250	DCXN05	Lam kính trơn	Lam kính trơn, kích thước: 25.4mm x76.2 mm, dày: 1 mm - 1,2 mm, mặt kính trơn.	Cái	5.720
251	DCXN06	Lọ đựng bệnh phẩm tiết trùng 50-55ml	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm PS 50 mL, tiết trùng <ul style="list-style-type: none"> Lọ nhựa PS trắng trong, nắp đỏ, có nhãn, dung tích 50 mL. Thân lọ nhựa được làm bằng vật liệu PS (PolyStyrene) trong suốt, độ nhẵn và trơn láng cao, chống sự bám dính của mẫu. Nắp nhựa PS, màu đỏ giúp dễ dàng phân biệt, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100% không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong. Tiết trùng: E-beam. Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016. Hạn sử dụng: 5 năm kể từ ngày sản xuất. 	Lọ	13.000
252	DCXN07	Lọ đựng mẫu nhựa PP 55-60ml, có nhãn	Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 55ml-60ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Tiết trùng bằng khí EO.	Lọ	39.000
253	DCXN08	Bơm tiêm khí máu động mạch 1ml có tráng Lithium heparin	Bơm tiêm khí máu động mạch 3ml có tráng Lithium heparin khô cân bằng Canxi trong lòng syringe, hàm lượng 23,5IU/ml. Có đầu Filter rời loại bỏ bọt khí an toàn, tránh phơi nhiễm máu và mầm bệnh. Syringe loại luer slip, không có kim. Thể tích lấy máu tối thiểu 0.8 ml. Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, CE, FDA	Cái	12.480
254	DCXN09	Ống nghiệm Citrate	Ống nghiệm Sodium Citrate 3,8% kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.	Ống	66.950
255	DCXN10	Ống nghiệm có nắp, có nhãn	Ống nghiệm lấy mẫu URI, nắp đỏ/ trắng. Có nhãn. Thân ống Polypropylene (PP), chiều dài 75 ± 1 mm, đường kính ngoài 12 ± 1 mm, thể tích chứa tối đa 5mL ± 10%, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút. Nắp nhựa Polyethylene (LDPE/HDPE), màu đỏ/ trắng giúp dễ dàng phân biệt ống lấy mẫu với các loại ống khác, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP FDA, CE. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất	Ống	114.270
256	DCXN11	Ống nghiệm EDTA nắp cao su	- Ống nghiệm EDTA K2 kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. - Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước 12-13x75mm. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm Hbaltc...) - Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Dipotasium (EDTA K2) - Nắp đậy ống nghiệm: nắp có lõi cao su, màu xanh dương. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu - Ống nghiệm được đóng trên đế mous cao hoặc đế mous thấp.	Ống	249.210
257	DCXN12	Ống nghiệm Heparine	- Ống nghiệm Heparin kích thước 13x75mm; sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. - Ống nghiệm nhựa PP. Kích thước 13x75mm. - Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ ... trừ Li ⁻), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH ₃ và định lượng Alcohol trong máu.. - Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. - Nắp đậy ống nghiệm: có loại nắp nhựa và nắp cao su màu đen. Màu nắp có thể thay đổi tùy theo nhu cầu - Ống nghiệm được đóng trên đế mous cao hoặc đế mous thấp.	Ống	217.360
258	DCXN13	Ống nghiệm không nắp	• Thân ống làm từ nhựa Polystyrene (PS), không phản ứng với hóa chất, bệnh phẩm bên trong, chiều dài 75 ± 1 mm, đường kính ngoài 12 ± 1 mm, thể tích chứa tối đa 5mL ± 10%, dễ dàng quan sát mẫu bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút. • Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016. • Hạn sử dụng: 5 năm kể từ ngày sản xuất.	Ống	33.540
259	DCXN14	Ống nghiệm liền nắp 1.5ml	Dùng để chứa mẫu ly tâm phân tách trong xét nghiệm, dung tích 1.5ml, ly tâm 30.000RCF (18.000RPM), nhựa PP	Cái	23.790

STT	Mã tham chiếu	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
260	DCXN15	Ống nghiệm Serum Plasma	Ống nghiệm tách huyết thanh URI, nắp đậy, hạt trụ. Thể tích chứa: 2mL, 4mL. Thân ống Polypropylene (PP), chiều dài 75 ± 1 mm. đường kính ngoài 12 ± 1 mm, thể tích chứa tối đa 5mL ± 10%, dễ dàng quan sát thành phần bên trong, chịu lực ly tâm 6000 vòng/phút. Nắp nhựa Polyethene, màu đỏ giúp dễ dàng phân biệt ống tách huyết thanh với các loại ống khác, nắp kết nối chắc chắn, chống tràn đổ mẫu bệnh phẩm. Số lượng hạt: 0.3 - 0.45 g/ống, giúp tăng khả năng tách huyết thanh. sau khi ly tâm hạt nhựa tạo thành rào cản ngăn cách huyết thanh với cục máu đông. Nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, GMP FDA, CE. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất	Ống	82.810
261	DCXN16	Tấm bông 1 đầu dài 15 cm tiết trùng	Chất liệu cân bằng nhựa PP/ABS, đầu bông nylon flocked, chiều dài 150mm, có khắc bề ở vị trí 80mm. Đóng gói riêng từng chiếc. Tiết trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để lấy dịch ty hầu trong các xét nghiệm tìm virus.	Cái	5.590
262	VTH058	Túi đo huyết áp các cỡ kèm phụ kiện	Túi huyết áp lớn có ruột, túi ngoài bằng vải, bên trong có lớp cao su, dùng thay thế trong dụng cụ đo huyết áp, có bao bóp, van đi kèm	Cái	630
263	HMNT02	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuốn, có bộ lọc khí - Chất liệu túi: Vinyl - Đường kính vòng gắn 70mm, chiều dài túi 30cm - Túi chứa loại trong hoặc đục, gồm 4 lớp: lớp trong giúp gắn kết các lớp, lớp ngăn mùi, lớp dính giúp các lớp dính vào nhau, lớp chống ồn - Đặc điểm: có khóa cuốn, có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí khoảng 300mm ² , giúp thoát khí dễ dàng nhưng mùi hôi bị giữ lại, bộ lọc khí không thấm nước. Vòng gắn khớp với đế dán và không gây đau cho người bệnh - Dùng với đế dán túi cùng hãng, chất liệu Hydrocolloid - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA Kích cỡ: 70mm	Cái	1.560
264	HMNT03	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế dán vào da có độ pH giống như da từ 4,0 - 5,5, giúp bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo và không gây dị ứng. - Với thành phần Hydrocolloid, có cấu trúc liên kết vật lý SIS (Styrene-Isoprene-Styrene), giúp đế dán dễ dàng kháng mạnh với các chất ăn mòn, tạo cấu trúc mềm dẻo, vững chắc và bền. Vì vậy đế dán sử dụng được cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. - Thời gian sử dụng trung bình từ 3 đến 5 ngày, tối đa 7 ngày. - Để có phần gắn kết với túi bằng cách lòn ngón tay vào trong và bấm lại, vì vậy không gây đau cho bệnh nhân. - Khi tháo đế ra không để lại chất keo dư thừa trên da bệnh nhân. Đế băng cho người có hậu môn nhân tạo lồi, sử dụng kèm túi phân Kích cỡ: 70mm Chất liệu: Hydrocolloid Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA, ISO	Cái	1.560
265	KYT010	Calcium hypochlorite bột 70%	Javel dạng bột. Hoạt chất: Calcium hypochlorite, dạng bột màu trắng rắn trong đó có mùi mạnh của Clo, hàm lượng 65 - 70%.	Kg	2.340
266	CAM005	Bông xốp cầm máu tự tiêu Collagen	Xốp cầm máu làm từ collagen lông cừu, hấp thụ trong 3 tuần, dùng trong chảy máu mao mạch. Bông xốp collagen tan tự nhiên. Bông xốp được cấu trúc bề mặt một khuôn khô kết dính tiểu cầu lý tưởng do đó nó cung cấp lực bổ sung cho hiện tượng đông máu. Thành phần 10 cm ² chứa 100 mg collagen có nguồn gốc từ bò, kích thước 5cm x 8cm. Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Miếng	1.040
267	VTH003	Bình làm ấm oxy 340ml	Bình làm ấm dùng cho lưu lượng kế. Dung tích ≥340ml	Cái	630
268	CHI018	Chỉ phẫu thuật đa sợi tự tiêu tổng hợp 1 kim tròn đầu tù	Chất liệu 90% glycoline và 10% L-lactide. Cấu trúc đa sợi bền. Lớp bao phủ Poly, glacomer 370, Calcium stearate. Độ tan từ 56 đến 70 ngày, sợi chỉ màu tím, kim tròn đầu tù 3/8c-63mm, kim Austenitic 321 phủ silicon, cỡ chỉ 1 USP, độ dài chỉ ≥ 100cm. Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Tép	190